

- 5. Cát cánh
 - 6. Đẳng sâm
 - 7. Địa liền
 - 8. Hòe hoa
 - 9. Mộc hương di thực
 - 10. Quy di thực
 - 11. Sa nhân
 - 12. Sinh địa
 - 13. Thục địa
 - 14. Tinh dầu bạc hà
 - 15. Tinh dầu hương nhu
 - 16. Tinh dầu trầm
 - 17. Xuyên khung
 - 18. Các loại dược liệu khác
- c) Giá sửa chữa các loại máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành.

3. Giá gia công, giá thu mua.

Bộ Y tế quyết định giá những sản phẩm mà Bộ Y tế có giao vật tư chủ yếu cho các Bộ và tỉnh gia công. Trước khi quyết định giá, Bộ Y tế trao đổi thống nhất với Bộ và tỉnh nhận gia công.

4. Giá bán lẻ, dịch vụ.

a) Bộ Y tế quyết định giá bán lẻ tân dược, đông dược ngoài danh mục mặt hàng của Hội đồng Bộ trưởng, gồm các loại:

- Nhập khẩu
- Viện trợ
- Sản xuất trong nước.

+ Do các xí nghiệp dược phẩm trung ương sản xuất

+ Do các xí nghiệp dược phẩm địa phương sản xuất theo kế hoạch của Bộ Y tế và được tiêu thụ trong cả nước hoặc ở từng khu vực lớn.

b) Giá các loại y cụ và dụng cụ chuyên dùng của ngành y tế.

5. Bộ Y tế sẽ căn cứ vào chiết khấu lưu thông vật tư, thương nghiệp toàn ngành

của Hội đồng Bộ trưởng hoặc của Ủy ban Vật giá Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền quyết định, đề quyết định chiết khấu lưu thông vật tư thương nghiệp cho các sản phẩm cụ thể trong ngành.

6. Bộ y tế căn cứ vào hướng dẫn của Ủy ban vật giá Nhà nước và các Bộ có liên quan về chính sách, nguyên tắc xác định giá và giá chuẩn hoặc khung giá (nếu có) đề quyết định giá thuốc, dịch vụ y tế phục vụ người nước ngoài.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nếu phát sinh sản phẩm mới hoặc cần thay đổi quyền quyết định giá, liên Bộ sẽ tiếp tục bổ sung.

K.T chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước Phó chủ nhiệm TRẦN XUÂN GIÁ	K.T Bộ trưởng bộ Y tế Thư trưởng D.S NGUYỄN DUY CƯƠNG
---	--

**ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC—
BỘ VĂN HÓA**

THÔNG TƯ liên bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước - Bộ Văn hóa số 515-VGNN-VH-TT ngày 19-3-1985 quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Bộ văn hóa quyết định giá.

Căn cứ nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ quản lý giá; nay liên bộ quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Bộ Văn hóa quyết định giá như sau :

1. Giá gia công thu mua:

— Quyết định giá gia công các loại văn hóa phẩm: tranh, ảnh, tượng, phù điêu,

09663782

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

bu ảnh, bu thiệp tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

— Quyết định giá phục chế các loại cổ vật, tranh, ảnh nghệ thuật.

— Quyết định giá thu mua các loại văn hóa phẩm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Giá bán buôn:

— Quyết định giá bán buôn (giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp, giá bán buôn vật tư) các sản phẩm do ngành văn hóa sản xuất và tiêu thụ như:

— Công in và các sản phẩm có liên quan tới công nghệ in như: chế bản in opset, bản in ropy, ảnh kẽm, bản khắc gỗ, bản chì...

— Nhạc cụ, đĩa hát, băng ghi âm, băng ghi hình, dăm kèn, phụ tùng nhạc cụ.

— Các máy móc thiết bị chuyên dùng của ngành (ngành in, ngành điện ảnh) ngoài số máy móc thiết bị do Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định giá.

— Các loại sách, báo (trừ báo Nhân dân, Quân đội Nhân dân), văn hóa phẩm, tạp chí, tập san xuất bản trong nước và nhập khẩu.

— Chử in và vật liệu dùng cho ngành in.

— Phim bản đầu bao gồm phim truyện, phim tài liệu khoa học, phim hoạt hình búp bê, phim đèn chiếu.

— Các sản phẩm văn hóa xuất khẩu.

Đối với những mặt hàng trên đây, nếu thuộc hàng tiêu dùng thì Bộ Văn hóa quyết định giá bán buôn xí nghiệp, Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định giá bán buôn công nghiệp.

3. Giá bán lẻ:

— Quyết định giá bán lẻ các loại báo (trừ báo Nhân dân, Quân đội Nhân dân), Tạp chí, Tập san xuất bản trong nước và nhập khẩu, các loại văn hóa phẩm (tranh,

ảnh, khâu hiệu, phù điêu, tượng, và các sản phẩm mỹ thuật khác).

— Quyết định giá bán lẻ nhạc cụ, đĩa hát, băng ghi âm, băng ghi hình sau khi trao đổi với Bộ Nội thương.

— Quyết định cụ thể giá bán lẻ từng cuốn sách, trên cơ sở giá chuẩn do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

4. Giá dịch vụ:

— Quyết định giá vé xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật, giá vé xem triển lãm, vé vào các công viên văn hóa, bảo tàng tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, v.v...

— Quyết định giá cho thuê phim (phim chiếu bóng và phim đèn chiếu), giá cho thuê máy chiếu phim, máy tăng âm, giá cho thuê sách...

— Quyết định giá cho thuê rạp, sân chiếu bóng và biểu diễn nghệ thuật.

— Quyết định giá dịch vụ hợp tác làm phim với nước ngoài.

5. Chiết khấu lưu thông:

— Quyết định chiết khấu lưu thông phát hành sách cho từng địa phương trên cơ sở chiết khấu lưu thông toàn ngành do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

— Quyết định chiết khấu lưu thông vật tư văn hóa phẩm, vật tư chuyên dùng ngành in và điện ảnh trên cơ sở chiết khấu lưu thông toàn ngành do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

6. Giá hàng xuất khẩu và dịch vụ Văn hóa cho người nước ngoài.

Căn cứ vào sự hướng dẫn của Ủy ban Vật giá Nhà nước và các Bộ có liên quan về chính sách, nguyên tắc xác định giá và giá chuẩn (nếu có) để quyết định giá các loại sau:

— Sách, báo, văn hóa phẩm ra nước ngoài.

— Phim điện ảnh.

— Quyết định giá hợp đồng biểu diễn nghệ thuật với nước ngoài.

— Quyết định giá dạy nhạc cho người nước ngoài ở Việt Nam.

Đối với các loại sách, báo, do địa phương xuất bản và vé xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật, giá vé xem triển lãm, vé vào các công viên văn hóa, bảo tàng... do địa phương quản lý thì do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định giá dựa trên cơ sở giá chuẩn hoặc khung giá do Bộ văn hóa quyết định.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nếu phát sinh sản phẩm mới hoặc cần thay đổi quyền quyết định giá liên bộ sẽ tiếp tục bổ sung.

K.T. Chủ nhiệm
Ủy ban Vật giá
Nhà nước

K.T. Bộ trưởng Bộ
Văn hóa

Phó chủ nhiệm
TRẦN XUÂN GIÀ

Thứ trưởng
VŨ KHẮC LIÊN

**ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC —
BỘ XÂY DỰNG**

THÔNG TƯ liên bộ Ủy ban Vật giá Nhà nước — Bộ Xây dựng số 1 - VGNN — XD/TT ngày 1-4-1985 quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền quyết định giá và Bộ Xây dựng quyết định giá.

Căn cứ nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng ban

hành Điều lệ quản lý giá; nay liên bộ quy định danh mục sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Xây dựng quyết định giá như sau :

**I. DANH MỤC SẢN PHẨM DO BỘ
XÂY DỰNG LẬP PHƯƠNG ÁN GIÁ
TRÌNH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
QUYẾT ĐỊNH GIÁ**

1. Giá vật tư :

— Thạch cao.

— Xi măng bao P300 (theo phương pháp thử 140—64) tương đương với P400 (theo phương pháp thử cứng).

— Gạch đặc 220 × 105 × 60mm mác 75—99 kg/cm².

— Ngói máy 22 v/m² (loại A).

— Đá hộc (loại đá vôi), sỏi xô, cát vàng khu vực sản xuất tập trung.

2. Giá thiết bị toàn bộ :

Các công trình sản xuất trong nước và nhập khẩu do Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt tổng dự toán và quyết toán.

3. Giá cho thuê nhà ở (giá chuẩn).

4. Chiết khấu lưu thông vật tư thương nghiệp toàn ngành.

5. Giá bán lẻ: xi măng bao P300 ; gạch đặc (220×105×60)mm mác 75—99 kg/cm² ; ngói máy 22 v/m² (loại A).

**II. DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ
DO ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC
QUYẾT ĐỊNH GIÁ**

1. Cụ thè hóa giá:

a) Căn cứ vào giá bán buôn vật tư chuẩn của Hội đồng Bộ trưởng đề quyết